

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 13/2023/HS-ST

Ngày: 15/11/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phương;
Bà Lê Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Q - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hà Thế H, sinh năm 2001 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: số nhà D N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở trước khi bị bắt: Phòng 701, Tòa nhà T, MB A Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Thanh H1 và bà Phạm Thị Đ; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/01/2022, bị Công an thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/7/2023 đến ngày 08/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Hoàng S, sinh năm 1993 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: số nhà A P, phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở trước khi bị bắt: Phòng 703, Tòa nhà T, MB A Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H2 và bà Phạm Thị P; có vợ là Hoàng Ánh N và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/7/2023 đến ngày 08/8/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thị N1, sinh năm 1997 tại Thanh Hóa; nơi thường trú: tổ dân phố B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở trước khi bị bắt: Phòng 703, Tòa nhà T, MB A Q, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị D; bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/7/2023 đến ngày 08/8/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 30/7/2023, Tổ công tác Công an Công an thành phố T, làm nhiệm vụ tại Tòa nhà T, MB A Q, phường Đ, thành phố T thì phát hiện Phạm Hoàng S và Trần Thị N1 có biểu hiện nghi vấn nên đã kiểm tra và thu giữ của N1 01 túi nilong màu trắng, kích thước khoảng (3x3)cm, bên trong có chứa 10 viên nén hình tròn màu đỏ. Ngay lúc này Phạm Hồng S1 cũng đã tự giác giao nộp 01 túi nilong màu trắng, có kích thước khoảng (3x3)cm, bên trong có chứa 10 viên nén hình tròn màu đỏ và 02 túi nilong màu trắng, kích thước mỗi túi khoảng (2,5x3)cm, bên trong mỗi túi đều chứa các hạt tinh thể màu trắng và 01 gói giấy, kích thước khoảng (1x1)cm, bên trong có chứa 01 viên nén màu đỏ hình tròn. Tại chỗ N1 khai nhận đây là ma túy hồng phiến S1 nhờ N1 cầm hộ, còn S1 khai nhận số ma túy hồng phiến và ma túy đá S1 đang cất giấu để bán kiếm lời. Tổ công tác đưa S1 và N1 cùng vật chứng thu giữ về trụ sở Công an phường Đ lập biên bản theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Hồng S1 khai nhận: Vào khoảng 09 giờ ngày 30/7/2023, S1 có đến nhà Hà Thế H, sinh năm 2001, trú tại P tòa nhà T, MB115, Q, phường Đ, thành phố T hỏi mua chịu 1.500.000 đồng ma túy của H, H đưa cho S1 01 túi có chứa 21 viên hồng phiến và 02 túi ma túy đá, sau đó S1 đem về phòng chia thành 02 túi mỗi túi chứa 10 viên hồng phiến và 01 gói giấy chứa 01 viên hồng phiến để tiện cho việc bán. Khi cả N1 và S1 đi xuống thang máy S1 đưa 01 túi nilong bên trong có 10 viên hồng phiến nhờ N1 cầm hộ, khi nào cần thì lấy lại, còn S1 cất giấu trong người 01 túi chứa 10 viên hồng phiến, 02 túi có chứa ma túy đá và 01 gói chứa 01 viên hồng phiến.

Đến 13 giờ 40 phút ngày 30/7/2023, Hà Thế H đã đến trụ sở Công an phường Đ, thành phố T đầu thú và khai nhận: khoảng 06 giờ ngày 30/7/2023, H một mình điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 36C – 430.71 đi đến khu vực Cầu Đ, phường Đ, thành phố T tìm mua ma túy. Tại đây, H gặp và mua được của một người nam giới tên C (khoảng 30 tuổi, chỉ quen mặt, không biết rõ địa chỉ) một túi nilong chứa 73 viên ma túy hồng phiến, một túi nilong chứa 12 viên ma túy dạng thuốc lắc, 11 túi ma túy loại Ketamine, 02 túi ma túy đá với số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, H cất giấu ở cốp để đồ phía trước ghế phụ xe ô tô biển kiểm soát 36C – 430.71 rồi đi về đỗ xe tại sân trước tòa nhà T. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H đang ở phòng 701 Tòa nhà T thì có Phạm Hoàng S sang hỏi mua chịu 1.500.000 đồng ma túy đá và hồng phiến. Hiệp đồng ý và xuống xe ô tô biển kiểm soát 36C – 430.71 lấy 02 túi ma túy đá và 21 viên ma túy hồng phiến bán cho S.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Hoàng S và nơi ở của Hà Thế H tại P701, P703 tòa nhà T, MB115, Q, phường Đ, thành phố T không phát hiện thu giữ gì. Khám xét khẩn cấp trên xe ô tô biển kiểm soát: 36C-430.71 đỗ tại trước Tòa nhà T, MB A, Q, phường Đ, thành phố T, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ trong cốp để đồ phía trước ghế phụ 01 túi nilong màu xanh tím kích thước khoảng (6 x 9) cm, bên trong chứa 51 viên nén hình tròn màu đỏ và 01 viên nén hình tròn màu xanh; 01 túi nilong màu trắng viền đỏ kích thước khoảng (6x9)cm, bên trong chứa 10 viên nén màu xám và 02 viên nén màu xanh; 05 túi nilong màu trắng kích thước khoảng (3,5 x 3,5) cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 06 túi nilong màu trắng kích thước khoảng (2,5 x 2,5) cm, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng; 01 cân điện tử màu đen trắng, kích thước khoảng (2,5 x 6) cm.

Tại Bản kết luận giám định số 2864/KL-KTHS ngày 04/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh kết luận:

- Phong bì kí hiệu M1:
 - + 10 viên nén hình tròn màu đỏ niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,889g (không phải tám tám chín gam) loại: Methamphetamine.
- Phong bì kí hiệu M2:
 - + 10 viên nén hình tròn màu đỏ niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,888g (không phải tám tám tám gam) loại: Methamphetamine.
 - + Các hạt tinh thể màu trắng niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,203g (không phải hai không ba gam) loại: Methamphetamine.
 - + 01 viên nén hình tròn màu đỏ niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,087g (không phải không tám bảy gam) loại: Methamphetamine.
- Phong bì kí hiệu M3:

+ 51 viên nén hình tròn màu đỏ niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,460g (bốn phẩy bốn sáu không gam) và 01 viên nén hình tròn màu xanh niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,091g (không phẩy không chín một gam) loại: Methamphetamine. Tổng khối lượng 4,551g.

- 10 viên nén màu nâu niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 3,839g và 02 viên nén màu xanh niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,665g (không phẩy sáu sáu năm gam) loại: MDMA. Tổng khối lượng là 4,504g.

- Các hạt tinh thể màu trắng đựng trong 11 túi nilong niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 6,459g (sáu phẩy bốn năm chín gam) loại Ketamine.

Về vật chứng thu giữ: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 36C-430.71 là của ông Hà Thanh H1 (bố đẻ của Hà Thế H), ông H1 không biết H dùng chiếc ô tô nêu trên để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 36C-430.71 cho ông Hà Thanh H1.

Đối với người đàn ông tên C đã bán ma túy cho H, H khai không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể. Cơ quan điều tra đã rà soát, xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch của người này nên không có căn cứ xử lý.

Với nội dung trên bản cáo trạng số 362/CT-VKSTP ngày 23/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Hà Thế Hiệp về tội: “Mua bán phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Hoàng S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị N1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thế H; căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hoàng S; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị N1 để tuyên bố bị cáo Hà Thế H, Phạm Hoàng S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần Thị N1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, đề nghị xử phạt bị cáo H từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ; đề nghị xử phạt bị cáo S từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ; đề nghị xử phạt bị cáo N1 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định và tịch thu, tiêu hủy một cân điện tử màu trắng – đen.

Truy thu của bị cáo S số tiền 1.500.000 đồng mua ma túy của bị cáo H nhưng chưa thanh toán để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo H, S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo N1 vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung truy tố của cáo trạng và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 30/7/2023, tại phòng 701 Tòa nhà T, MB A, Q, phường Đ, thành phố T, bị cáo Hà Thế H đã có hành vi bán trái phép 2,067g ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Phạm Hoàng S với số tiền 1.500.000 đồng và cất dấu 4,551g ma túy loại Methamphetamine, 4,504g ma túy loại MDMA và 6,459g ma túy loại Ketamine trong xe ô tô biển kiểm soát 36C – 430.71 mục đích để bán kiếm lời.

Bị cáo Phạm Hoàng S cất dấu 2,067 g ma túy loại Methamphetamine mục đích để bán kiếm lời. Bị cáo Trần Thị N1 có hành vi tàng trữ trái phép 0,889g Methamphetamine thì bị bắt quả tang tại tòa nhà T, MB115, Q, phường Đ, thành phố T vào khoảng 12 giờ ngày 30/7/2023.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Hà Thế H có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Hoàng S có đủ dấu hiệu cấu thành

tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi nêu trên của bị cáo Trần Thị N1 có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo S và bị cáo N1 là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo H là rất nghiêm trọng; các bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng các loại ma túy là chất gây nghiện được nhà nước thống nhất quản lý, nghiêm cấm mọi hành vi phạm tội liên quan đến ma túy nhưng vì hám lời mà bị cáo H, S vẫn cố ý mua bán trái phép chất ma túy, vì cả nể mà bị cáo N1 cố ý tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặt khác hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và các tệ nạn xã hội khác nên cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng tăng trách nhiệm hình sự. Nhưng bị cáo H là người có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”.

Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo H đã đến cơ quan Công an đầu thú. Bị cáo H, bị cáo N1 trong thời gian sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia ủng hộ ủng hộ quỹ người nghèo tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc của địa phương; bị cáo N1 có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bị cáo là mẹ đơn thân đang nuôi hai con nhỏ, một cháu bị khuyết tật, một cháu dưới 36 tháng tuổi, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả ba bị cáo, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H, bị cáo N1 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập với nhau. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hoá là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành vì vậy cần căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy này.

Một cân điện tử màu trắng – đen thu giữ của bị cáo H, bị cáo sử dụng để phân chia ma túy bán kiếm lời nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Phạm Hoàng S mua của bị cáo Hà Thế H 1.500.000 đồng ma túy nhưng chưa thanh toán tiền cho H vì vậy truy thu của bị cáo S số tiền 1.500.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, bị cáo N1 thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự và khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo H, S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N1 thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Thế H;

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Hoàng S;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị N1;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Hà Thế H, Phạm Hoàng S;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trần Thị N1.

Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Thế H, Phạm Hoàng S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Trần Thị N1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Hà Thế H 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 30/7/2023.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hoàng S 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30/7/2023.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị N1 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 30/7/2023 đến ngày 08/8/2023.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì của Phòng K Công an tỉnh T, có hình dấu của Phòng K kèm chữ ký, chữ viết của Nguyễn Trần Đ1, Trịnh Thị Thu P1

Tịch thu tiêu hủy một cân tiểu ly màu trắng – đen.

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 28/2024//THA ngày 09/11/2023 giữa Công an thành phố T với Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu của bị cáo Phạm Hoàng S số tiền 1.500.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo Hà Thế H, Phạm Hoàng S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị N1 được miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

- Nhà tạm giữ Công an TP Thanh Hóa;
- Chi cục THA Dân sự TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Thu Phương

